

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:32/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 26-6-2020  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Thượng Văn Kình
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 75/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 071, đường Lê Chí D, Khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Địa chỉ liên hệ: Số nhà 102, đường Nguyễn Văn T, Khu phố 6, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 071, đường Lê Chí D, Khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ghi ngày 13/02/2020, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết

hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01, ngày 22/12/1995 tại UBND xã (nay là phường) B, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số 071, đường Lê Chí D, Khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên qua một thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, vợ chồng tự hòa giải những mâu thuẫn trong gia đình, tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể giải quyết được, tính tình không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng và mệt mỏi. Từ năm 2011 vợ chồng tuy còn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm nhau. Từ gần cuối năm 2019 thì vợ chồng không còn sống chung nhà, bà Đ đã ra ngoài sống riêng tại phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu địa phương, gia đình hai bên hòa giải.

Vì vậy, nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, bà Nguyễn Thị Đ không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn T, không thể hàn gắn được nên bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phước S, sinh ngày 13/12/1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 13/5/2004. Hiện nay con chung đang sống cùng ông T. Mặc dù con chung đang sống cùng với ông T nhưng bà Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 13/5/2004, nhưng nếu con chung có nguyện vọng được sống cùng ông T thì bà Đ đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 13/5/2004. Đối với con chung là Nguyễn Phước S, sinh ngày 13/12/1996 đã trưởng thành nên bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Chứng minh dân dân, sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn T (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của con (bản sao).*

2. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/5/2020, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Đ chung sống và đăng ký kết hôn từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, thành phố T, tỉnh Bình

Dương. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 071, đường Lê Chí D, Khu phố 4, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc cùng nhau chăm sóc các con. Trong cuộc sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, chỉ thỉnh thoảng có những lời lẽ to tiếng nhưng không ảnh hưởng gì đến gia đình. Do bà Đ làm công ty không có thời gian phụ ông T chăm lo gia đình và các con nên ông T đã nói lớn tiếng với bà Đ. Bà Đ lấy lý do này nên dọn ra nhà trọ sinh sống một mình từ trước tết năm 2020 đến nay không về. Ông T đã khuyên bảo bà Đ về lại chung sống nhưng bà Đ không về.

Quá trình chung sống ông T và bà Đ có hai con chung là Nguyễn Phước S, sinh ngày 13/12/1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 13/5/2004. Hiện nay các con đang sống cùng ông T. Ông T làm nghề sửa xe nên phải vừa làm vừa chăm sóc các con và đưa đón con chung là Nguyễn Thành Đ đi học. Ông T đã khuyên bà Đ trở về phụ ông T chăm sóc các con nhưng bà Đ không về.

Về tài sản chung: Ông T và bà Đ chỉ có một số vật dụng trong gia đình.

Nay bà Đ yêu cầu ly hôn thì ông T không đồng ý vì ông T còn thương vợ, con. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T không có ý kiến gì. Về con chung thì tùy theo ý kiến của các con. Về tài sản chung, nợ chung ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông T bận công việc và phải đưa đón con không có thời gian đến Tòa án làm việc nên yêu cầu Tòa án cho ông T được vắng mặt.

*Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.*

*Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- Bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.
- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:
- + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

\* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

\* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 của Luật hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 13 tháng 02 năm 2020, bà Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn T. Từ những nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông Nguyễn Văn T, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn ông Nguyễn Văn T đang cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1995, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01, ngày 22/12/1995 tại UBND xã (nay là phường) B, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Việc chung sống và đăng ký kết hôn giữa bà Đ và ông T là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 6, 8 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 1986 nên hôn nhân giữa bà Đ và ông T là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Đ xác định hiện nay vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng đã không còn sống chung, nên bà Đ quyết định ly hôn với ông T.

Việc bà Đ và ông T không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau và không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình

dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T vắng mặt điều này chứng tỏ ông T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặc dù, tại biên bản lấy lời khai ông T không đồng ý ly hôn vì lý do còn thương vợ con, nhưng kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã triệu tập bà Đ và ông T nhiều lần để hòa giải đoàn tụ nhưng ông T không đến Tòa án và đến nay ông T vẫn không có biện pháp nào để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Bà Đ và ông T không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019, hiện nay bà Đ vẫn cương quyết ly hôn.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng yêu thương nhau, những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa phương nơi bà Đ, ông T cư trú cho biết: Bà Đ và ông T là vợ chồng, hiện nay bà Đ và ông T không còn sống chung với nhau từ cuối năm 2019, quá trình chung sống vợ chồng bà Đ và ông T không xảy ra mâu thuẫn, không yêu cầu địa phương giải quyết, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng.

Tuy nhiên, bà Đ xác định hiện nay không còn tình cảm với ông T, vợ chồng không còn sống chung với nhau nên không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Đ yêu cầu được ly hôn với ông T là có cơ sở. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Đ đối với ông Nguyễn Văn T.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống bà Đ và ông T có 02 con chung là Nguyễn Phước S, sinh ngày 13/12/1996 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 13/5/2004. Hiện nay con chung đang sống cùng ông T. Mặc dù con chung đang sống cùng với ông T nhưng bà Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 13/5/2004, nhưng nếu con chung có nguyện vọng được sống cùng ông T thì bà Đ đồng ý để ông T tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 13/5/2004.

Xét thấy, hiện nay con chung đang sống cùng ông T và con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 13/5/2004 có nguyện vọng được sống cùng với ông Nguyễn Văn T. Vì vậy, để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 13/5/2004 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Đối với con chung là Nguyễn Phước S, sinh ngày 13/12/1996 đã trưởng thành, bà Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

1.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 13/5/2004 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Đối với con chung là Nguyễn Phước S, sinh ngày 13/12/1996 đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041584, ngày

11/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Nga**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Văn Lâm**

**Trương Ngọc Diệp**

**Nguyễn Thị Minh Nga**





